

Bản án số: 05/2025/HS-ST

Ngày: 10/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giữ.

Ông Đoàn Văn Hiền.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Ngô Văn T, sinh ngày 01/01/1991 tại huyện CT, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Ấp AP, xã AT, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn H và bà Trần Thị Đ; có vợ tên Võ Thị Huyền T1 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2021, con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/3/2025 cho đến nay, bị cáo có mặt.

- **Bị hại:** Ông Trần Văn D, sinh năm 1973; nơi cư trú: Ấp TĐ, xã NC, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bà Võ Thị Huyền T1, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp AP, xã AT, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- **Người làm chứng:** Anh Trần Văn V (vắng mặt), Anh Trần Ngọc S (vắng mặt), ông Tiêu Văn Mỹ E (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên bị cáo T nảy sinh ý định tìm tài sản của người khác lấy trộm bán tiêu xài, để thực hiện bị cáo đã điều khiển xe mô tô đến nhà của Trần Văn V1 là cháu của bị cáo (nhà bỏ hoang) thuộc khóm Vĩnh Lộc, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (nay là ấp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh An, tỉnh An Giang) nghỉ qua đêm.

Khoảng 04 giờ ngày 31/03/2025, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 83D1-169.24 đến khu vực ấp Hưng Hòa, xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (nay là ấp Hưng Hòa, xã Thanh Mỹ Tây, tỉnh An Giang) thì phát hiện máy Honda GX200 có gắn dàn sắt xi (loại máy dùng để chạy vỏ) của Trần Văn D đang để trên mui chệt. Quan sát không có người trông coi nên bị cáo lấy trộm máy Honda GX200 có gắn dàn sắt xi để lên xe mô tô rồi điều khiển đi được khoảng 700 mét thì bị Trần Văn D và Trần Văn V phát hiện, truy hô. Bị cáo bị bắt giữ cùng tang vật và Công an xã Đào Hữu Cảnh tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng.

Vật chứng thu giữ: 01 máy Honda GX200 có dàn sắt xi (đã trao trả lại cho bị hại Trần Văn Dũng theo biên bản ngày 06/4/2025); 01 xe mô tô biển số 83D1-169.24; 01 sợi dây niền màu vàng sọc xanh, đỏ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL.HĐĐGTS ngày 03/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Châu Phú kết luận: 01 (một) máy Honda GX200 và dàn sắt xi, trị giá: 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

- Bị hại ông Trần Văn D trình bày đúng như nội dung vụ án. Hiện ông đã nhận lại máy Honda GX200 có dàn sắt xi nên không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Huyền T1 trình bày: Xe mô tô biển số 83D1-169.24 do bà T1 đứng tên chủ sở hữu, việc bị cáo T sử dụng làm phương tiện phạm tội bà T1 không biết, bà yêu cầu được nhận lại xe mô tô trên.

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKSCP.HS ngày 12 tháng 6 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang) đã truy tố bị cáo Ngô Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu. Bị

cáo T không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Huyền T1 yêu cầu nhận lại xe mô tô biển số 83D1-169.24, do xe thuộc quyền sở hữu của bà, bà không biết bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo Trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Ngô Văn T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- + Tịch thu tiêu huỷ 01 sợi dây niền màu vàng sọc xanh, đỏ.

- + Trả lại cho bà Võ Thị Huyền T1 01 xe mô tô biển số 83D1-169.24, đã qua sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, bị hại và tất cả người làm chứng vắng mặt, dù đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của bị hại và tất cả người làm chứng không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên toà bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Ngoài ra, lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, động cơ phạm tội, cùng các tang vật đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 04 giờ ngày 31/3/2025, bị cáo T điều khiển xe mô tô từ ấp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh An, tỉnh An Giang đến khu vực ấp Hưng Hòa, xã Thạnh Mỹ Tây tìm tài sản để lấy trộm. Bị cáo phát hiện máy Honda GX200 có dàn sắt xi để trên mui chệt, có dùng xích xích lại nhưng không khóa, quan sát xung quanh không có người trông coi nên bị cáo đã thực hiện hành vi lấy trộm tài sản. Bị cáo điều khiển xe mô tô chở tài sản tìm nơi tiêu thụ thì bị phát hiện, bị cáo bị bắt giữ cùng tang vật. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo là thanh niên khỏe mạnh, nằm trong độ tuổi lao động, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự. Bị cáo nhận thức được quyền sở hữu tài sản của mỗi cá nhân luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, những hành vi xâm phạm quyền sở hữu của người khác sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Tuy nhiên, vì bản tính lười biếng lao động thích hưởng thụ mà không phải tốn công sức lao động nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã chủ động tìm tài sản để lấy trộm. Tài sản bị cáo lấy trộm là loại máy móc công kênh, việc di chuyển tài sản gặp không ít khó khăn và dễ bị người dân phát hiện tuy nhiên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Qua đó, cho thấy sự liều lĩnh, bất chấp vi phạm và thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Hành vi của bị cáo không chỉ gây tâm lý hoang mang trong xã hội về việc quản lý tài sản mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần có một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện. Qua đó, nhằm để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật, ngoài ra còn để răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo không biết chữ, nhận thức về pháp luật kém, bị cáo có nhân thân tốt, có ông ngoại tên Trần Văn Tiểu là người có công với cách mạng, bị cáo là người trực tiếp thờ cúng ông Trần Văn Tiểu. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt chính: Qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, tính chất vụ án và quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Xét thấy, bị cáo không có thu nhập ổn định, thu nhập chính từ việc làm thuê, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với 01 sợi dây niền màu vàng sọc xanh, đỏ, đã qua sử dụng, đây là vật chứng không xác định được chủ sở hữu, hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô biển số 83D1-169.24 bị cáo dùng làm phương tiện để phạm tội. Xét thấy đây là tài sản của bà Võ Thị Huyền T1, bà T1 không biết bị cáo dùng tài sản của bà vào việc phạm tội nên cần trao trả lại cho bà T1.

[5] Về các vấn đề khác: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Ngô Văn T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/3/2025.

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) sợi dây niền màu vàng sọc xanh, đỏ, đã qua sử dụng.

- Trả lại 01 (một) xe mô tô biển số 83D1-169.24 cho bà Võ Thị Huyền T1.

(Đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/7/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – An Giang).

Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc: Bị cáo Ngô Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Phân trại tạm giam KVCP;
- VKSND KV13 - An Giang;
- Phòng THADS KV13 - An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Bộ phận THA Tòa án;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quang